

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ 02 trạm thu phí Ninh An và Bàn Thạch, quốc lộ 1

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ 02 trạm thu phí Ninh An và Bàn Thạch, quốc lộ 1, như sau:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng thu phí sử dụng đường bộ 02 trạm thu phí Ninh An và Bàn Thạch, quốc lộ 1 thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ để hoàn vốn đầu tư xây dựng đường bộ hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) (sau đây gọi tắt là Thông tư số 159/2013/TT-BTC).

Điều 2. Biểu mức thu

Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ 02 trạm thu phí Ninh An và Bàn Thạch, quốc lộ 1 (mức thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Điều 3. Chứng từ thu phí

Chứng từ thu phí đường bộ sử dụng tại 02 trạm thu phí Ninh An và Bàn Thạch, quốc lộ 1 thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 159/2013/TT-BTC.

Điều 4. Quản lý sử dụng tiền phí thu được

1. Phí sử dụng đường bộ 02 trạm thu phí Ninh An và Bàn Thạch, quốc lộ 1 được thu, nộp, quản lý và sử dụng theo quy định Điều 8 Thông tư số 159/2013/TT-BTC. Tổng số tiền thu phí hàng năm sau khi trừ chi tổ chức thu và trừ các khoản thuế theo quy định được xác định là khoản tiền thu phí hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả, quốc lộ 1.

2. Đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí sử dụng đường bộ 02 trạm thu phí Ninh An và Bàn Thạch, quốc lộ 1 có trách nhiệm: Tổ chức các điểm bán vé tại trạm thu phí thuận tiện cho người điều khiển phương tiện giao thông và tránh ùn tắc giao thông; thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp, sử dụng chứng từ thu phí theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/02/2014.

2. Bãi bỏ nội dung quy định về thu phí sử dụng đường bộ tại trạm thu phí Bàn Thạch và trạm thu phí Ninh An tại Thông tư số 233/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí BOT và trạm chuyển giao quyền thu phí.

3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí, đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí sử dụng đường bộ 02 trạm thu phí Ninh An và Bàn Thạch, quốc lộ 1 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. *lum*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- Sở Tài chính, Cục Thuế các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Công ty cổ phần đầu tư Đèo Cả;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5). (160)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai



BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ
02 TRẠM THU PHÍ NINH AN VÀ BÀN THẠCH, QUỐC LỘ 1
(Ban hành kèm theo Thông tư số 197/2013/TT-BTC
ngày 19/12/2013 của Bộ Tài chính)

Số TT	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mệnh giá		
		Vé lượt (đồng/vé/lượt)	Vé tháng (đồng/vé/tháng)	Vé quý (đồng/vé/quý)
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn và các loại xe buýt vận tải khách công cộng	15.000	450.000	1.200.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi, xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	22.000	660.000	1.800.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên, xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	33.000	990.000	2.650.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit	60.000	1.800.000	4.800.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit	120.000	3.600.000	9.700.000

Ghi chú:

- Mức thu phí trong Biểu nêu trên áp dụng riêng biệt cho từng trạm.
- Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế (trọng tải hàng hoá), căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký xe do cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Đối với việc áp dụng mức thu phí đối với xe chở hàng bằng Container (bao gồm cả đầu kéo moóc chuyên dùng): Áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế của xe, không phân biệt có chở hàng hay không chở hàng, kể cả trường hợp chở hàng bằng Container có tải trọng ít hơn tải trọng thiết kế vẫn áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế./.